

Số: 16/KH-THQT

Hồng An, ngày 05 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thu chi tài chính năm học 2025 – 2026

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
3. Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
4. Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
5. Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.
6. Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
7. Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục quốc dân.
8. Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản khác liên quan.
9. Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026.



10. Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

11. Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

12. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

13. Công văn số 6341/UBND-VX ngày 10/9/2021 của UBND thành phố về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

14. Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn liên sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

15. Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

16. Công văn số 40/BHXXH-BPT&PTNTG ngày 11/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Hồng Bàng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026.

B. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục đích

- Thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, thực hiện chi tiêu hợp lý, tránh thâm hụt, lãng phí.

- Đảm bảo công khai minh bạch các khoản thu, chi trong nhà trường.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Thực hiện theo văn bản chỉ đạo của các cấp. Năm học 2025-2026 thực hiện Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Việc sử dụng hay không sử dụng dịch vụ là do cha mẹ học sinh quyết định và đăng ký. Nhà trường chỉ tuyên truyền vận động cha mẹ học sinh sử dụng dịch vụ với mục tiêu hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, không ép buộc phụ huynh phải cho con em sử dụng dịch vụ.

- Nhà trường xây dựng chi tiết các khoản thu, chi, đảm bảo thu đúng quy định, được thỏa thuận với cha mẹ học sinh cả về mức thu và nội dung chi, thống nhất toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Thống nhất với cha mẹ học sinh về thời gian thu, thực hiện miễn giảm cho học sinh khuyết tật, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... Không được thu thêm bất kỳ khoản nào khác ngoài các khoản quy định trong danh mục thu tại Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND.

C. NỘI DUNG

I. Thu các khoản theo quy định:

1. Bảo hiểm y tế:

1.1 Đối tượng thu: HS toàn trường (trừ HS là con công an, bộ đội, hộ nghèo có giấy xác nhận của phường)

1.2 Mức thu:

* Học sinh lớp 1:

- Sinh từ ngày 02/12/2019 đến 31/12/2019 thu mức phí 12 tháng: 631 800 đ
- Sinh từ ngày 02/11/2019 đến 01/12/2019 thu mức phí 13 tháng: 684 450 đ
- Sinh từ ngày 02/10/2019 đến 01/11/2019 thu mức phí 14 tháng : 737 100 đ
- Sinh từ 01/01/2019 đến 01/10/2019 thu mức phí 15 tháng : 789 750 đ

* Học sinh khối 2,3,4,5: thu theo mức 631 800 đ/HS/12 tháng

1.3 Nội dung chi: Nộp 100% số tiền thu về BHXH Cơ sở Hồng Bàng

II. Các khoản thu dịch vụ

1. Tổ chức bán trú: (Nhà trường tổ chức nấu ăn)

1.1. Tiền ăn và chất đốt

1.1.1. Đối tượng thu: Tất cả học sinh ăn bán trú tại trường

1.1.2. Mức thu: 30.000 đồng/Hs/ngày (Bao gồm bữa chính và bữa phụ, tiền chất đốt)

1.1.3. Nội dung chi:

- Chi 100% cho bữa ăn của học sinh (Bao gồm thực phẩm, lương thực, chất đốt, thuế VAT).

1.2 Hỗ trợ người nấu ăn, người chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý

1.2.1 Đối tượng thu: Tất cả học sinh ăn bán trú tại trường

1.2.2 Mức thu: 150.000 đồng/HS/tháng

1.2.3 Nội dung chi:

- + 40% chi cho nhân viên phục vụ suất ăn
- + 13,8% chi quản lý tại trường
- + 45 % chi người trực tiếp trông trưa và những người liên quan đến công tác bán trú
- + 1,2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 60% số tiền để lại trường)

2. Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh

2.1. Đối tượng thu: Học sinh học bán trú khối 1,2,3,4,5 (Đăng ký ăn tại trường)

2.2. Mức thu

- Khối 1: 360.000 đ/HS/năm
- Khối 2,3,4,5: 200 000 đ/HS/năm

2.3. Nội dung chi:

100% chi mua sắm bổ sung cơ sở vật chất phục vụ bán trú.

3. Hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày

- Học sinh khối 1,2,3,4,5 học 2 buổi/ngày

3.1. Đối tượng thu: Học sinh học 2 buổi/ngày (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

3.2. Mức thu 30.000đ/HS/tháng

3.3. Nội dung chi:

100% chi hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước phục vụ công tác dạy và học 2 buổi/ngày.

4. Nước uống tinh khiết:

4.1 Đối tượng thu: Học sinh khối 1,2,3,4,5 (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

4.2 Mức thu: 10.000 đồng/HS/tháng

4.3 Nội dung chi: Chi 100% mua nước uống cho học sinh

5. Tiếng Anh tự chọn, Tiếng Anh tăng cường (Người Việt Nam)

- Học sinh khối 1,2 học Tiếng Anh tự chọn 1 tiết/tuần (đối với những học sinh có nhu cầu.)

- Học sinh khối 1,2,3,4,5 học Tiếng Anh tăng cường 1 tiết/tuần (đối với những học sinh có nhu cầu.)

5.1 Đối tượng thu:

- Tiếng Anh tự chọn: Học sinh khối 1,2 (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

- Tiếng Anh tăng cường: Học sinh khối 1,2,3,4,5 (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

5.2 Mức thu:

* Tiếng Anh tự chọn:

Khối 1,2: 15.000 đồng/tiết

* Tiếng Anh tăng cường:

Khối 1,2,3,4,5: 15.000 đồng/tiết (Đối với HS có nhu cầu)

5.3 Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Trung tâm dạy Tiếng Anh.

+ 3,7% hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động phục vụ cho công tác dạy và học

+ 4% phúc lợi

+ 7% chi quản lý tại trường

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền để lại trường)

6. Tiếng Anh (Người nước ngoài)

- Học sinh khối 1,2,3,4,5 học Tiếng Anh người nước ngoài 1 tiết/tuần (đối với những học sinh có nhu cầu.)

6.1 Đối tượng thu:

Học sinh khối 1,2,3,4,5 (Trừ những HS có nhu cầu nhưng có hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

6.2 Mức thu:

40.000 đồng/tiết (Đối với HS có nhu cầu)

6.3 Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Trung tâm dạy Tiếng Anh

+ 3,7% hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động phục vụ cho công tác dạy và học

+ 4% phúc lợi

+ 7% chi quản lý tại trường

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường)

7. Hoạt động trải nghiệm STEM

- Học sinh khối 3,4,5 học STEM 1 tiết/tuần (đối với những học sinh có nhu cầu.)

7.1. Đối tượng thu: Học sinh từ khối 3,4,5 (có nhu cầu đăng ký tự nguyện tham gia).

7.2. Mức thu 28.000 đ/HS/tiết

7.3. Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Công ty

+ 3,7% khấu hao cơ vật chất

+ 7% chi quản lý tại trường

+ 4% phúc lợi



+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường

8. Giáo dục năng lực số

- Học sinh khối 1,2,3,4,5 học Giáo dục năng lực số 1 tiết/tuần (đối với những học sinh có nhu cầu.)

8.1 Đối tượng thu: Học sinh đăng ký tự nguyện tham gia từ khối 1 đến khối 5 (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

8.2 Mức thu: 21.500 đồng/tiết

8.3 Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Công ty

+ 3,7% khấu hao cơ vật chất

+ 7% chi quản lý tại trường

+ 4% phúc lợi

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường)

9. Quản lý HS ngoài giờ

- Học sinh khối 1,2,3,4,5 (đối với những học sinh có nhu cầu.)

9.1. Đối tượng thu: Học sinh có đăng ký tự nguyện tham gia (trừ những HS thuộc đối tượng miễn giảm, hoàn cảnh khó khăn do chính quyền địa phương hoặc hiệu trưởng xác nhận)

9.2. Mức thu 10.000đ/HS/giờ (Thu theo số giờ thực tế)

9.3. Nội dung chi:

- 75% chi lương cho giáo viên trực tiếp QL ngoài giờ

- 5% chi khen thưởng

- 3,5% chi cho các bộ phận làm ngoài giờ

- 14,5% chi quản lý tại trường

- 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

10. Dịch vụ trông coi xe

10.1. Đối tượng thu: Phụ huynh đăng ký gửi xe

10.2. Mức thu:

Đối với xe máy: 50.000 đồng/ HS/ tháng

Đối với xe đạp: 30.000 đồng/ HS/ tháng

10.3. Nội dung chi:

+ 5% nộp thuế

+ 95% chi trả cho người trực tiếp coi xe, bồi dưỡng thanh niên trực an toàn giao thông, mua vật tư,...

11. Quỹ khuyến học

11.1. Chế độ học phí: Vận động viên xuất sắc môn thể thao người của địa phương được miễn học phí cấp 1, 2, 3, 4, 5.

11.2. Mức học phí: 100.000 đồng/15 năm.

11.3. Nội dung chi:

- 20% nộp về Hội Khuyến học phường.
- 80% để lại nhà trường. (Để làm lương học sinh và giáo viên nhân dịp lễ tết, tặng quà cho giáo viên nghỉ hưu nhân dịp 20/11, thưởng học sinh nghèo vượt bậc, các hoạt động liên quan đến giáo viên và học sinh...)

III. Kinh phí học tập diện cho học sinh

1. Nguồn thu vận động

- Kinh phí BIDEX MIEV của tập đoàn khai thác than của tỉnh ủy người của phụ huynh học sinh của cấp, không còn bằng, không vận động địa phương học sinh khác.
- Trích 20% kinh phí về BIDEX MIEV của trường, để lại 75% kinh phí BIDEX MIEV cấp.

2. Nội dung chi (Chi theo 1-2)

- Thưởng học sinh (Đã xuất sắc, bằng chứng, học tập, xuất sắc...): Từ 10% đến 20%.
- Tặng quà, phần thưởng học sinh học giỏi, xuất sắc... Từ 1% đến 10%.
- Lễ kỷ niệm 100 năm, dịp lễ chào mừng các ngày, các cuộc thi, giải đấu, sinh hoạt học sinh... các hoạt động liên quan tới người học của học sinh. Từ 10% đến 20%.
- Chi khác: Từ 10% đến 15%.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm quản lý thu, chi theo đúng chế độ tài chính của các cấp, các ngành. Giám sát quy trình thu, chi của trường theo chế độ tài chính và chế độ kế toán quốc gia, đúng mục đích, công khai minh bạch các khoản thu trong nhà trường.
- Chi đúng chế độ thu, chi theo đúng kế hoạch.

2. Trách nhiệm của Kế toán

- Thường xuyên phối hợp với Ban chấp hành trường để thực hiện đúng kế hoạch.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán và chính sách thuế.
- Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.
- Chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch thu, chi, quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường. Giám sát, hướng dẫn các bộ phận trong nhà trường thực hiện đúng thủ tục, đúng quy định của pháp luật, chế độ chính sách trong nhà trường.
- Báo cáo tài chính công khai trong hội nghị của hội đồng quản trị nhà trường.

3. Trách nhiệm của Thủ Quỹ

- Giúp Hiệu trưởng quản lý nguồn quỹ trong nhà trường theo đúng nguyên tắc tài chính.

- Thu chi phải cập nhật kịp thời; hàng tháng phải kiểm kê quỹ để báo cáo cho hiệu trưởng; quyết toán hàng quý, hàng năm chính xác, kịp thời. Báo cáo với hiệu trưởng, kế toán sổ quỹ còn lại khi có yêu cầu.

- Chỉ được phép chi khi có ký duyệt của Hiệu trưởng và Kế toán (tất cả các nguồn quỹ).

4. Giáo viên chủ nhiệm

- Gửi giấy báo các khoản thu tới phụ huynh học sinh.

- Đôn đốc và hướng dẫn phụ huynh học sinh hoàn thành các khoản thu trong tháng./.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- Phòng VH-XH;
- Phòng kinh tế -Hạ tầng & Đô thị;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hạnh

PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Dung

PHÒNG KINH TẾ - HT VÀ ĐÔ THỊ



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Thuý Nhung

UBND PHƯỜNG HỒNG AN



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Lan